

Bản án số: 32/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30/8/2022

V/v “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YL, TỈNH PHÚ THỌ**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Tuấn Anh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Đức Hải

Ông Nguyễn Đức Thiệu

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đinh Kiều Anh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:*** Ông Hoàng Liên Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2022 về “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Đinh Thị A, sinh năm 1983.

*Bị đơn:* Anh Trần Chí H, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: Khu Thống Nhất, xã Đồng Thịnh, huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:* Ông Hoàng Quốc Việt - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý theo hợp đồng với Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Phú Thọ.

(Chị A, anh H đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Việt có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***1. Nguyên đơn chị Đinh Thị A trình bày tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản làm việc tại Tòa án như sau:***

***Về quan hệ hôn nhân:*** Chị và anh Trần Chí H tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện YL, tỉnh Phú Thọ ngày 15/10/2002. Thời gian đầu kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó đến năm 2012 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2017 đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn,

vợ chồng không thể trở về đoàn tụ được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với anh Trần Chí H.

*Về con chung:* Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là Trần Anh Minh Q, sinh ngày 10/3/2004, Trần Q V, sinh năm 16/7/2008.

Sau ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Q V, tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với con chung Trần Anh Minh Q thì đã thành niên và lao động tự túc được nên không đề nghị giải quyết.

*Về tài sản chung, công nợ, công sức:* Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Trần Chí H trình bày tại biên bản lấy lời khai và các biên bản làm việc tại Tòa án như sau:

*Về quan hệ hôn nhân:* Thời gian và điều kiện kết hôn, quá trình chung sống như chị A khai là đúng. Thời gian đầu kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó đến năm 2012 chị A đi làm ăn, đến năm 2017 vợ chồng sống ly thân đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị A xin ly hôn, anh xác định vẫn còn tình cảm mặc dù hôn nhân không hạnh phúc. Anh không đồng ý ly hôn mà chỉ sống ly thân vì hiện nay các con đã lớn, anh không muốn ly hôn để ảnh hưởng đến tâm lý của các con, muốn các con sau này kết hôn có cả đủ bố và mẹ.

*Về con chung:* Anh xác định vợ chồng có 02 con chung như chị A đã khai đúng.

Nếu phải ly hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Q V, sinh ngày 16/7/2008, kể từ khi ly hôn đến khi con đã thành niên, và tự nguyện không yêu cầu chị A phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với con chung Trần Anh Minh Q thì đã thành niên và lao động tự túc được nên không đề nghị giải quyết.

*Về tài sản chung, công nợ, công sức:* Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

3. Tại bản tự khai của cháu Trần Q V có quan điểm nếu bố mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng muốn được ở với mẹ.

4. Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân với đại diện khu dân cư và UBND xã Đồng Thịnh, huyện YLCung cấp: Chị A và anh H đã sống ly thân nhau từ năm 2012 đến nay. Đề nghị Tòa án căn cứ tình trạng hôn nhân thực tế để giải quyết theo quy định pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự.

5. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Nhất trí lời khai của chị A có trong hồ sơ, không có bổ sung gì. Đề nghị Tòa án xem xét cho vợ chồng được ly hôn. Giao con chung theo nguyện vọng của chị A.

6. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ phát biểu ý kiến:

*Về thủ tục tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình thu thập, đưa giá chứng cứ từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án. Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã lập thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo đầy đủ văn bản tố tụng, đúng quy định pháp luật cho phía bị đơn.

*Về nội dung vụ án, đề nghị hướng giải quyết như sau:*

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm a,b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 1, 2 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị A được ly hôn anh Trần Chí H.

Về con chung: Giao cho chị A được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Q V, sinh ngày 16/7/2008. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị A không yêu cầu và được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm. Cháu Trần Anh Minh Q đã thành niên nên cháu muốn ở với ai thì tùy cháu.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, do các bên đương sự không yêu cầu.

Về án phí ly hôn: Chị A được miễn theo quy định pháp luật vì là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Chị Đinh Thị A có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị xin ly hôn với anh Trần Chí H cư trú tại khu Thống Nhất, xã Đồng Thịnh, huyện YL, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ khoản 1 Điều 28 và điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị A và anh Trần Chí H tự nguyện kết hôn năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện YL, tỉnh Phú Thọ. Như vậy chị A và anh H kết hôn đảm bảo các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Xét về tình cảm vợ chồng thì anh H và chị A đều thừa nhận 2 bên có thời gian dài sống ly thân đến nay khoảng 5 năm, không còn quan tâm đến nhau nữa. Như vậy chứng tỏ tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc, đời sống vợ chồng không thể duy trì và kéo dài được nữa, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị A xin ly hôn anh H là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật. Việc anh H không đồng ý ly hôn vì sợ ảnh hưởng đến tâm lý của con chung là không phù hợp, như vậy chỉ nhằm kéo dài hôn nhân không tồn tại, gây khó khăn cho các bên ổn định cuộc sống mới.

[4] Về con chung: Xét yêu cầu của chị A và đề nghị của cháu V phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận. Cần giao cháu Trần Q V, sinh ngày 16/7/2008 cho chị A được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng kể từ khi ly hôn đến khi con chung thành niên, việc chị A tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, công nợ và công sức đóng góp: Chị A và anh H không đề nghị giải quyết.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đinh Thị A là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 1, 2 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị A được ly hôn anh Trần Chí H.

2. Về con chung: Giao cho chị A được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu Trần Q V, sinh ngày 16/7/2008 kể từ khi ly hôn đến khi cháu V thành niên. Chị A tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ và công sức đóng góp: Chị A và anh H không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị A được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo Thông báo số 867/TB-TA, ngày 11/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ. Chị A không phải nộp án phí.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

*Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

#### **Nơi nhận:**

- VKSND huyện YL;
- Chi cục THADS huyện YL;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Phạm Tuấn Anh**

